

Số: 18/QĐ-CT

Đông Triều, ngày 10 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
V/V BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ CÔNG NỢ CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 206/2003/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 13/4/2009 của UBND tỉnh Quảng Ninh “ Về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi và chuyển đổi và chuyên Công ty Quản lý khai thác công trình thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh thành Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh”.

Căn cứ Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 của UBND tỉnh Quảng Ninh “ Về việc phê duyệt và ban hành Điều Lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh”.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700102341 cấp ngày 24/11/2009 của Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế toán Công ty

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế quản lý công nợ của Công ty.

(Kèm theo quy chế quy chế chi tiết) .

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/3/2014, các Quy định trước đây trái với quy định này đều không có hiệu lực.

Điều 3. Phòng Tổ chức- Hành chính, phòng Tài vụ - Kế toán, phòng Kỹ thuật, phòng Kế hoạch, Kiểm soát viên chuyên trách, BCH Công đoàn và các cụm công trình thuộc công ty căn cứ thi hành Quyết định này.

Nơi nhận
- Như điều 3;
- Số TC b/c
- Lưu: VP



Nguyễn Nam Bình

QUY CHẾ QUẢN LÝ NỢ

(Ban hành theo Quyết định số 18/2014/QĐ - CT ngày 10 tháng 3 năm 2014 của Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Quản lý công nợ:

Quy chế này quy định công tác quản lý nợ của Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Công ty là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên.

Công nợ của công ty bao gồm: Công nợ phải thu và công nợ phải trả.

1. Công nợ phải thu:

1.1 Khái niệm: Là các khoản nợ phải thu hồi, ứng trước và khoản nợ của khách hàng còn thiếu trong quá trình giao dịch và hoạt động sản xuất kinh doanh do các đơn vị ngoài công ty và trong công ty thực hiện.

1.2 Những yêu cầu trong công tác quản lý công nợ phải thu:

- Phân công con người cụ thể để xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi các khoản công nợ.

- Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng, thường xuyên nắm bắt tình hình, phân loại và đối chiếu các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi...) đôn đốc để thu nợ.

2. Công nợ phải trả:

2.1 Khái niệm: Là các khoản nợ phải thanh toán cho khách hàng trong quá trình vận hành các hoạt động của công ty như xây dựng cơ bản các công trình, chi phí sản xuất kinh doanh của công ty, vật tư, đồ dùng sản xuất, đồ dùng sinh hoạt

2.2 Những yêu cầu trong công tác quản lý công nợ phải trả.

- Căn cứ vào nguồn kinh phí trong năm và các hợp đồng đã được ký kết, chuyên môn mở sổ theo dõi cụ thể chi tiết tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả.

- Phân loại các khoản nợ phải trả, để có kế hoạch chi trả cho hợp lý và đúng đối tượng.

Điều 2: Đối tượng áp dụng:

- Tất cả khách hàng có mối quan hệ kinh tế với công ty về lĩnh vực hợp đồng sử dụng nước, XD/CB, kinh doanh, vật tư, đồ dùng sản xuất, đồ dùng sinh hoạt

- Các tập thể, cán bộ công nhân viên trong công ty.

CHƯƠNG II

CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ NỢ PHẢI THU

Điều 3 : Quản lý các khoản nợ phải thu.

1. Ban hành và thực hiện Quy chế quản lý nợ của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định 206/2013/NĐ-CP của Chính phủ, xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi các khoản nợ phải thu, đôn đốc chủ động xử lý nợ tồn đọng theo quy định.

2. Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đôn đốc thu hồi nợ; định kỳ đối chiếu công nợ giữa các bên làm cơ sở để thu nợ đạt kết quả cao.

3. Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được. Báo cáo cấp có thẩm quyền để cùng phối hợp giúp đỡ giải quyết, giao cho Kế toán trưởng thành lập các đoàn công tác để tiến hành thu nợ và hạch toán kế toán theo quy định của nhà nước đối với các khoản thu nợ. Nếu không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định, để chủ sở hữu có văn bản nhắc nhiều lần, căn cứ vào hậu quả của việc xử lý chậm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp thì chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật.

4. Kế toán trưởng công ty có trách nhiệm giúp Giám đốc theo dõi, cập nhật đôn đốc và kịp thời xử lý, báo cáo các khoản nợ đến hạn và nợ khó đòi.

5. Khi xác định là nợ phải thu khó đòi, Công ty phải tiến hành trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định của Bộ Tài chính.

6. Nợ phải thu không có khả năng thu hồi, Công ty phải xác định rõ nguyên nhân khách quan hay chủ quan. Đối với nguyên nhân chủ quan, Công ty có trách nhiệm xử lý bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan. Đối với nguyên nhân khách quan, Giám đốc công ty và các phòng ban có liên quan phải xác định rõ nguyên nhân và có biên bản xác nhận; nếu xác định các khoản nợ này có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi; nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của công ty.

6. Nợ không có khả năng thu hồi sau khi đã xử lý theo quy định vẫn phải theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán và trong thuyết minh báo cáo tài chính trong thời hạn tối thiểu là 10 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và có các biện pháp để thu hồi nợ, nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi được sau khi trừ đi các chi phí liên quan, được hạch toán vào thu nhập của doanh nghiệp.

Điều 4. Xử lý các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi

1. Công ty xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và yêu cầu các tập thể, cá nhân đó bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Tiến hành dùng nguồn dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi để bù đắp.

3. Hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập doanh nghiệp, tùy theo trường hợp cụ thể.

4. Trong trường hợp thực hiện bán nợ theo quy định của pháp luật, sau khi xác định rõ nguyên nhân đó, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và yêu cầu đương sự bồi thường theo quy định của pháp luật, chênh lệch giữa giá trị khoản nợ với giá bán được bù đắp bằng nguồn dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi.

5. Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã được xử lý (trừ trường hợp bán nợ) nhưng khách nợ còn tồn tại thì tiếp tục theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán và trong thuyết minh báo cáo tài chính trong thời hạn tối thiểu là 10 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và có các biện pháp để thu hồi nợ, nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi được sau khi trừ đi các chi phí liên quan, được hạch toán vào thu nhập của doanh nghiệp.

6. Công ty có trách nhiệm xử lý và hạch toán một lần các khoản nợ không thu hồi được vào kết quả kinh doanh hàng năm của công ty theo quy định tại Điểm C khoản 1, Điều 7 của Nghị định 206/2013 của Chính phủ

Điều 5. Xử lý các khoản nợ phải thu tồn đọng còn có khả năng thu hồi

1. Đối với các khoản nợ phải thu tồn đọng còn có khả năng thu hồi, Công ty phải tích cực đôn đốc và áp dụng mọi biện pháp để thu hồi đảm bảo cho ngân sách.

2. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng trở lên còn có khả năng thu hồi, phải lập dự phòng và hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp trong năm.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng để cùng nhau tháo gỡ khó khăn và tìm cách để thu nợ.

CHƯƠNG III CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ NỢ PHẢI TRẢ

Điều 6 : Quản lý các khoản nợ phải trả.

1. Ban hành và thực hiện Quy chế quản lý nợ của doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định 206/2013/NĐ-CP, phân công và xác định rõ trách nhiệm trong việc theo dõi, thanh toán các khoản nợ phải trả; mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả; phân loại theo thời gian các khoản nợ phải trả (nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán); phân loại theo tính chất khoản nợ (nợ dài hạn, nợ ngắn hạn).

2. Mở sổ theo dõi các khoản nợ phải trả theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ phải trả (nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, định kỳ đối chiếu công nợ giữa các bên làm cơ sở để trả).

3. Phải đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không vượt quá 3 lần theo quy định của Chính phủ về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Khi có nhu cầu huy động vốn vượt quy định để đầu tư các dự án quan trọng, hoặc khi chủ sở hữu tạm ứng không đủ để chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, chi trả lương cho người lao động phải xây dựng phương án cụ thể, xác định rõ kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền trả nợ phải đảm bảo khả năng trả nợ và có hiệu quả. Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về hiệu quả dự án và đảm bảo khả năng trả nợ.

4. Xây dựng kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn trả nợ; Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn. Các khoản nợ phải trả mà không có đối tượng để trả thì hạch toán vào thu nhập của doanh nghiệp.

5. Chủ tịch kiêm giám đốc phải quản lý và điều hành doanh nghiệp bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ; có trách nhiệm phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ quá hạn; nếu không xử lý kịp thời để phát sinh tình trạng nợ phải trả quá hạn không thanh toán trên 06 tháng, căn cứ vào hậu quả của việc không xử lý kịp thời, chủ sở hữu quyết định hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật đối với Chủ tịch kiêm giám đốc nếu không xử lý kịp thời dẫn đến mất khả năng thanh toán nợ thì phải chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật.

Điều 7. Các khoản nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

1. Việc xử lý các khoản nợ thuế và các khoản nộp Ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí. Nếu trong trường hợp cấp trên ứng vốn chậm. Công ty ưu tiên trả vào đầu quý sau liền kề.

2. Đối với các khoản vay, tạm ứng của ngân sách nhà nước, doanh nghiệp có trách nhiệm trả nợ cho ngân sách nhà nước theo quy định. Nếu không trả được nợ do nguyên nhân khách quan doanh nghiệp báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết từng trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Đối với các khoản nợ phải trả cho CBCNV của công ty và các tổ chức, cá nhân.

Công ty có trách bố trí thu xếp để trả lương, phụ cấp cho cán bộ công nhân viên hàng tháng. Nếu phải nợ tiền lương ngay sau khi có kinh phí cấp tạm ứng, không nợ quá 30 ngày, quá thời gian trên công ty phải tính lãi trả cho CBCNV. Đối với việc công ty thanh toán các khoản nợ phải trả cho các tổ chức, cá nhân (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Xử lý khoản nợ Bảo hiểm xã hội.

Trong quá trình hoạt động hàng quý công ty có trách nhiệm thanh toán rút điếm với cơ quan BHXH. Nếu do nguồn vốn cấp chậm công ty sẽ có văn bản xin nợ sang đầu quý liền kề khi công ty được cấp trên cấp tạm ứng vốn.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy chế này được áp dụng thống nhất trong Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh.

Quy chế này gồm 4 chương, 10 Điều được chính thức thực hiện kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện quy chế quản lý Công nợ của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh, nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung phù hợp, các phòng ban tập hợp báo cáo Chủ tịch kiêm giám đốc xem xét điều chỉnh./.